

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18-10-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị M Vinh

Ông Trần Đăng Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3497/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Thông báo thay đổi phiên tòa số 4044/TB-TA ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Ánh M; cư trú tại: Số 507/B7 Khu chung cư B, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

- Bị đơn: Anh Hoàng Trung D; địa chỉ ĐKKHKT: Số 11 Lô E, khu tập thể M (Nay là tổ dân phố A), phường S, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018 và Bản tự khai ngày 15/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị Ánh M trình bày: Chị M và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 26/11/2007. Sau một thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc thì đến năm 2011, chị M và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do tính tình hai người không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị M và anh D thường xuyên có những lời nói xúc phạm đến nhau và đã sống ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình và làng xóm đã có nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ. Vì vậy, đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh D.

Chị M và anh D có một con chung là cháu Hoàng Nhật N, sinh năm 2008 đang sống cùng chị M. Chị M đề nghị Tòa án cho được trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Chị M hiện tại đang làm tại Công ty Daichi-Sankyo Việt Nam có địa chỉ trụ sở tại 132 H, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh có mức thu nhập ổn định khoảng 20 triệu đồng/tháng. Chị M và anh D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản đề ngày 21/02/2019, cháu Hoàng Nhật N trình bày: Hiện nay bố mẹ cháu không còn ở với nhau nữa, bố cháu bỏ đi từ lúc cháu còn bé và từ đó đến nay cháu ở với mẹ. Nếu trường hợp bố mẹ cháu không ở với nhau nữa mà phải ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ, vì mẹ cháu yêu thương cháu nhiều hơn, chăm sóc cháu tốt hơn, cháu làm đơn này kính mong Tòa án chấp nhận nguyện vọng của cháu.

Đối với anh Hoàng Trung D, theo văn bản số 5880/QLXNC-P5 ngày 08/4/2019 của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh cho biết anh D đã xuất cảnh ngày 11/7/2011 và chưa có thông tin nhập cảnh. Nguyên đơn chị M không biết địa chỉ của anh D ở nước ngoài. Tại 02 Biên bản xác minh ngày 24/7 và ngày 26/7/2019 tại gia đình anh D, bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ của anh D) trình bày gia đình không biết địa chỉ của anh D ở nước ngoài, do anh D không có nơi ở hợp pháp nhưng gia đình vẫn có liên lạc với anh D và anh D cũng biết việc chị M làm đơn ly hôn với anh D. Anh D và gia đình đồng ý với việc ly hôn của chị M nhưng đề nghị chị M không được cản trở việc gia đình anh D thăm nom cháu N. Bà M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị của chị M. Chị M vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị M.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trịnh Thị Ánh M được ly hôn với anh Hoàng Trung D và được quyền nuôi con chung là cháu hoàng Nhật N, sinh ngày 03/6/2008. Nguyên đơn chị Trịnh Thị Ánh M phải chịu án phí ly hôn sơ

thẩm. Chị Trịnh Thị Ánh M và anh Hoàng Trung D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trịnh Thị Ánh M đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung với bị đơn anh Hoàng Trung D hiện cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng nhận thấy; quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng và việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Trung D và nguyên đơn chị Trịnh Thị Ánh M: Do nguyên đơn chị M không biết địa chỉ của bị đơn anh D ở nước ngoài chỉ biết địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh D ở Việt Nam. Do vậy, Tòa án đã 02 lần về gia đình của anh D để yêu cầu người thân của anh D cung cấp địa chỉ của anh D ở nước ngoài, yêu cầu người thân của anh D thông báo tới anh D về việc ly hôn của chị M để anh D gửi lời khai về cho Tòa án. Nhưng người thân của anh D không cung cấp địa chỉ của anh D ở nước ngoài, với lý do là anh D không có nơi cư trú hợp pháp, không có nơi ở ổn định. Tuy nhiên, người thân của anh D đã thông báo cho anh D về việc yêu cầu ly hôn của chị M và có cam kết sẽ nhận thay anh D các văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy, có đủ cơ sở cho rằng bị đơn anh Hoàng Trung D cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do vậy, Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh D và niêm yết theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt bị đơn. Tại đơn đề nghị ngày 16/10/2019, chị M đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh D theo quy định khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 26/11/2007. Căn cứ Điều 9, 11, 102, 103 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Sửa đổi, bổ sung năm 2010) xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian hai người chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị M và anh D thường xuyên có những lời nói xúc phạm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Chị M và anh D không còn liên lạc với nhau. Chị M nhận thấy không còn tình cảm với anh D. Mặt khác, theo ông Tổ trưởng tổ dân phố và bà Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ tổ dân phố Máy Xay, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng và ông Trịnh Thành Đ (là bố đẻ của chị M) xác nhận trong quá trình chung sống chị M và anh D có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2011. Như vậy, xét thấy cuộc sống chung giữa chị M và anh D không còn tồn tại, mâu thuẫn giữa chị M và anh D trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 103 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị M được ly hôn với anh D.

[4]. Về yêu cầu nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh D có một con chung là cháu Hoàng Nhật N, sinh năm 2008. Xét thấy; chị M hiện tại đang làm cho Công ty Dauchi-Sankyo Việt Nam có thu nhập ổn định và chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Hoàng Trung D hiện tại không có ở Việt Nam. Chị M hiện tại đang là người chăm sóc cháu N. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu Nhật N muốn được ở cùng với chị M. Do vậy, việc chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu là hoàn toàn chính đáng nên được chấp nhận. Do chị M không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị M và anh D không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

[7]. Về quyền kháng cáo: Anh D và chị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 và Điều 479 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị Ánh M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị Ánh M được ly hôn anh Hoàng Trung D.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nhật N, sinh ngày 03/6/2008 cho chị Trịnh Thị Ánh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung chị Trịnh Thị Ánh M không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Ánh M phải chịu 300.000đ (*Bai trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Bai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị M đã nộp theo Biên lai số 0008096, ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị Ánh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Trung D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường S, quận H;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương